

Số: 01 /KL-TTr

Bến Tre, ngày 02 tháng 01 năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra thực hiện quy định về công tác quản lý tài chính, tài sản; thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực đối với Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-TTr ngày 30/11/2023 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bến Tre về việc thanh tra thực hiện quy định về công tác quản lý tài chính, tài sản; thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) và phòng, chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực đối với Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông (THPT) Lê Quý Đôn từ ngày 07/12/2023 đến ngày 12/12/2023, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường THPT Lê Quý Đôn.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 27/12/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT kết luận thanh tra như sau:

### I. Khái quát chung

- Trường THPT Lê Quý Đôn là Trường phổ thông cấp II-III Lộc Thuận được thành lập năm 1989 (tách ra từ phân hiệu của Trường cấp III Bình Đại A). Từ năm 1999 đến năm 2005 là Trường phổ thông trung học Lộc Thuận. Ngày 10/11/2005, Trường phổ thông trung học Lộc Thuận được đổi tên thành Trường THPT Lê Quý Đôn (gọi tắt là Đơn vị) theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre, tọa lạc tại: ấp Tân Định, xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Tình hình đội ngũ:

+ Biên chế được giao năm học 2023-2024: 42 (hiện có 42 biên chế). Trong đó:  
+ Cán bộ quản lý (CBQL): 02 (01 đại học, 01 thạc sĩ), đơn vị đang thực hiện quy trình bổ khuyết chức danh 01 Phó Hiệu trưởng.

+ Giáo viên (GV): 35 (29 đại học, 06 thạc sĩ); đội ngũ GV đủ để phân công dạy các môn theo quy định (trừ môn Âm nhạc và Mỹ thuật).

+ Nhân viên (NV): 05 (04 đại học, 01 trung cấp), đủ theo yêu cầu vị trí việc làm.

- Biên chế lớp, học sinh:

Năm học 2023-2024: Trường có 16 lớp, với 671 học sinh (HS). Trong đó: 6 lớp 10 (260 HS), 5 lớp 11 (199 HS), 5 lớp 12 (212 HS).

- Cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị phục vụ dạy học và giáo dục: CSVC của Đơn vị được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo từ năm 2021 nên phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng khá khang trang, đầy đủ theo Thông tư số 13/2020/TT-GDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT và THPT có nhiều cấp học. Tuy nhiên, nhà trường còn thiếu nhiều phương tiện dạy học phục vụ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (ti vi, dụng cụ thí nghiệm, thực hành).

## II. Kết quả kiểm tra, xác minh

### 1. Thực hiện quy định về quản lý tài chính

#### 1.1. Kết quả thực hiện lập dự toán và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước (từ năm 2022 và đến thời điểm thanh tra)

##### a) Tình hình dự toán được giao và chi trong kỳ thanh tra:

###### - Năm 2022:

+ Số dư dự toán năm 2021 chuyển sang năm 2022: 356.749.326 đồng (kinh phí tự chủ);

+ Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-SGD&ĐT ngày 20/01/2022 của Sở GD&ĐT Bến Tre về việc giao dự toán thu - chi ngân sách đầu năm 2022. Đơn vị được giao dự toán với số tiền 5.730.927.000 đồng (Trong đó: kinh phí thực hiện tự chủ (KPTC) 5.690.517.000 đồng và kinh phí không thực hiện tự chủ (KPKTC) 40.410.000 đồng), đồng thời trong năm 2022 có 03 lần điều chỉnh dự toán thu - chi, cụ thể:

Lần 1: Theo Quyết định số 668/QĐ-SGD&ĐT ngày 26/10/2022 của Sở GD&ĐT là 144.750.000 đồng (KPKTC) với nội dung “*thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2021-2022*”;

Lần 2: Theo Quyết định số 800/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/11/2022 của Sở GD&ĐT là 131.100.000 đồng (KPKTC) với nội dung “*thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2022-2023*”;

Lần 3: Điều chỉnh giảm dự toán theo Quyết định số 767/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/11/2022 là 23.110.000 đồng (KPTC) với nội dung “*thu hồi dự toán do thuyên chuyển viên chức năm 2022*”;

Tổng số dự toán được giao cả năm 2022 là 6.340.416.326 đồng. Trong đó: 6.024.156.326 đồng (KPTC) và 316.260.000 đồng (KPKTC).

+ Thực hiện chi trong năm 2022: Tổng kinh phí thực chi 6.256.324.084 đồng, (đạt 98,67% dự toán được giao); số dư dự toán chuyển sang năm 2023 là 70.682.242 đồng (KPTC), số dư dự toán hủy trong năm 13.410.000 đồng (KPKTC).

###### - Năm 2023:

+ Số dư dự toán năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 70.682.242 đồng (KPTC);

+ Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-SGD&ĐT ngày 06/01/2023 của Sở GD&ĐT Bến Tre về việc giao dự toán thu - chi ngân sách đầu năm 2023. Đơn vị được giao dự toán với số tiền 6.099.801.000 đồng (Trong đó: có 5.642.286.000 đồng (KPTC) và 457.515.000 đồng (KPKTC)). Trong năm 2023, có 04 lần điều chỉnh dự toán thu - chi, cụ thể:

Lần 1: Theo Quyết định số 803/QĐ-SGD&ĐT ngày 10/11/2023 của Sở GD&ĐT về việc điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách đầu năm 2023 cho Đơn vị với số tiền 87.856.000 đồng (KPTC), nội dung “*tăng lương thường xuyên năm 2023*”;

Lần 2: Theo Quyết định số 841/QĐ-SGD&ĐT ngày 14/11/2023 của Sở GD&ĐT là 469.712.949 đồng (KPKTC), nội dung “*thực hiện sửa chữa CSVC*”;

Lần 3: Theo Quyết định số 859/QĐ-SGD&ĐT ngày 14/11/2023 của Sở GD&ĐT là 134.200.000 đồng (KPTC), nội dung “*bổ sung hỗ trợ chi hoạt động*”;

là 524.700.000 đồng (KPTC), nội dung thực hiện tăng mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP”;

Tổng số dự toán được giao cả năm 2023 là 7.316.275.949 đồng. Trong đó: 6.389.048.000 đồng (KPTC) và 927.227.949 đồng (KPKTC).

+ Thực hiện chi đến ngày 30/11/2023 với tổng kinh phí 6.127.822.272 đồng (đạt tỷ lệ 83,76% dự toán được giao).

Số dư dự toán tại thời điểm thanh tra (ngày 30/11/2023) là 1.259.135.919 đồng. Trong đó: 643.654.511 đồng (KPTC) dùng để chi trả lương, các loại phụ cấp, chi hoạt động và 615.481.408 đồng (KPKTC) để sửa chữa CSVC. Nguồn kinh phí này tiếp tục chi và giải ngân trong tài khóa năm 2023.

- Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (đính kèm phụ lục 01, 01a, 01b).

b) Tình hình thực hiện dự toán:

Căn cứ vào dự toán được giao và thu sự nghiệp trong kỳ thanh tra, Trường THPT Lê Quý Đôn thực hiện chi đúng theo các chế độ tài chính và quy định hiện hành của nhà nước như:

- Tiền lương, tiền công và các khoản trích nộp Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động (BHBNN&TNLĐ), kinh phí công đoàn (KPCĐ) thực hiện chi theo văn bản quy định hiện hành và thực hiện đầy đủ cho toàn thể CBQL, GV, NV và NV hợp đồng của nhà trường.

- Các khoản phụ cấp (chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (TNVK), phụ cấp thâm niên nhà giáo (TNNG) và các khoản trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) thực hiện chi theo văn bản quy định hiện hành.

- Các khoản phụ cấp (Phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại) không thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHBNN&TNLĐ, tiền khen thưởng, các khoản trợ cấp và chi cho con người khác... thực hiện chi theo văn bản quy định hiện hành.

- Các khoản chi cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho HS thực hiện đầy đủ và thực hiện chi theo văn bản quy định hiện hành.

- Các khoản chi dịch vụ công cộng, mua sắm vật tư văn phòng, nghiệp vụ chuyên môn, mua sắm, sửa chữa tài sản và các khoản chi hoạt động khác... các tiêu chuẩn, định mức thực hiện chi theo văn bản quy định hiện hành và được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Đơn vị.

**1.2. Kết quả thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn thu khác (từ năm 2022 và đến thời điểm thanh tra)**

**1.2.1. Thu, chi nguồn học phí**

- Từ năm học 2022-2023 đến năm thời điểm thanh tra, Đơn vị tổ chức thu học phí theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT (Công văn số 24/SGD&ĐT-KHTC ngày 04/01/2023 về việc hướng dẫn



tạm thu học phí năm học 2022-2023; Công văn số 2545/SGD&ĐT-KHTC ngày 06/10/2023 về việc hướng dẫn thu học phí năm học 2023-2024 trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh).

- Đơn vị thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt danh sách các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Đơn vị thực hiện thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo Công văn số 1967/SGD&ĐT-KHTC ngày 04/8/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tiếp tục thực hiện thu phí dịch vụ giáo dục bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2022-2023. HS, CMHS, người thân của HS chuyển khoản tiền vào tài khoản thu học phí của nhà trường được mở tại Ngân hàng Agribank dưới hình thức nạp tiền trên điện thoại thông qua App do Ngân hàng Agribank cung cấp. Mức thu học phí đối với HS Trường THPT Lê Quý Đôn:  $60.000 \text{ đồng/tháng/HS} \times 9 \text{ tháng} = 540.000 \text{ đồng/năm học/HS}$ .

- Đơn vị thực hiện việc thu, chi, ghi chép, cập nhật vào hệ thống sổ sách kế toán đầy đủ và được Sở GD&ĐT thanh toán, quyết toán đúng theo quy định. Số liệu thu, chi, tồn của nguồn học phí trong kỳ thanh tra được thể hiện đầy đủ trên hồ sơ kế toán và được lưu trữ đầy đủ, khoa học.

- Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 02*).

**1.2.2. Thu, chi các nguồn thu dịch vụ** (Dạy thêm - học thêm (DTHT), cho thuê mặt bằng căn tin (MBCT), Lãi tiền gửi Ngân hàng - Kho bạc (NH-KB) và các dịch vụ khác)

*a) Nguồn kinh phí dịch vụ DTHT:*

- Đơn vị tổ chức DTHT trong nhà trường theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ GD&ĐT quy định về DTHT và Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GD&ĐT về việc Công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về DTHT.

- Hàng năm, Đơn vị xây dựng kế hoạch DTHT trong nhà trường; kế hoạch dạy tăng tiết; kế hoạch dạy ôn tập kiến thức bổ trợ xét tuyển đại học, cao đẳng (ĐH-CĐ)<sup>1</sup>; có biên bản thống nhất mức thu học phí DTHT trong nhà trường và theo thỏa thuận của CMHS; công tác thu, chi được đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ và bổ sung kinh phí thu sự nghiệp để lại đơn vị hàng tháng theo Hướng dẫn số 2906/SGD&ĐT-KHTC ngày 18/8/2022 và Công văn số 2219/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/9/2023 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện các khoản thu, chi các nguồn thu hợp pháp; Đơn vị thực

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 11/KH-THPT ngày 17/9/2022 về DTHT năm học 2022-2023; Kế hoạch số 10/KH-THPT ngày 09/9/2023 về tổ chức hoạt động DTHT trong nhà trường năm học 2023-2024;

hiện thanh toán tiền cho GV tham gia dạy thêm và Ban quản lý DTHT theo Quy chế; thực hiện ghi thu, ghi chi vào hệ thống kế toán đầy đủ và trích nộp thuế đúng quy định.

- Mức thu phí học thêm hàng tháng lớp 10, 11, 12, cụ thể:

+ Năm học 2022-2023: 180.000 đồng/tháng/môn/HS (16 tiết/08 buổi).

+ Tối thiểu 01 nhóm 10 HS x 180.000 đồng/HS = 1.800.000 đồng.

+ Năm học 2023-2024: 200.000 đồng/tháng/môn/HS (16 tiết/08 buổi).

+ Tối thiểu 01 nhóm 10 HS x 200.000 đồng/HS = 2.000.000 đồng.

- Mức thu phí học tăng tiết lớp 10, 11, 12:

+ Năm học 2022-2023: thu 2.000 đồng/tiết (theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Bến Tre quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre) và chi trả toàn bộ cho GV giảng dạy.

+ Năm học 2023-2024: thu 4.000 đồng/tiết (thực hiện theo Công văn số 2112/SGD&ĐT-KHTC ngày 24/8/2023 của Sở GD&ĐT Bến Tre về việc hướng dẫn thực hiện thu - chi theo qui định Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND).

- Mức thu phí học ôn tập bổ trợ kiến thức xét tuyển ĐH-CĐ cho HS lớp 12:

+ Năm học 2022-2023: 80.000 đồng/môn/HS x 6 môn = 480.000 đồng/khóa.

+ Năm học 2023-2024: 4.500 đồng/HS/tiết/môn (sang năm 2024 thực hiện).

- Đơn vị thực hiện ghi chép, cập nhật số liệu thu, chi, thanh toán, quyết toán các nguồn thu dịch vụ vào bộ sổ sách kế toán đầy đủ, đúng quy định.

- Đơn vị lập đầy đủ hồ sơ DTHT và các hồ sơ, biên bản khác có liên quan đến việc tổ chức DTHT theo từng năm học. Qua đó, thể hiện được các nội dung như: đối tượng học thêm, nội dung dạy thêm trên kế hoạch của từng GV bộ môn dạy thêm, sổ đầu bài, địa điểm dạy thêm, đơn của GV đăng ký tham gia dạy thêm, đơn đăng ký học thêm có xác nhận của CMHS, HS tham gia học thêm trên tinh thần tự nguyện, phương án tổ chức DTHT, việc tổ chức lớp, cách thức tổ chức lớp, thời gian dạy thêm, thời gian dạy trong ngày, thời lượng học thêm, phương án thu- chi tiền dạy thêm và có thành lập ban quản lý DTHT... Tuy nhiên, bảng kê dạy thêm là chứng từ gốc của việc tổng hợp chi trả tiền cho GV trực tiếp giảng dạy, do đó bảng kê dạy thêm hàng tháng của GV bổ sung thêm cột số tiết giảng dạy theo kế hoạch, đơn giá bình quân của tiết dạy, tổng số tiền thực nhận bằng số và số tiền ghi bằng chữ.

- Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 03a*).

*b) Nguồn kinh phí dịch vụ cho thuê MBCT:*

- Đơn vị sử dụng tài sản công (MBCT) dưới hình thức vào mục đích cho thuê; có xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê theo mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, được UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt tại Công văn số 5459/UBND-TCĐT ngày 01/01/2019 về việc phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của 06 trường THPT trên địa bàn tỉnh (trong đó có Trường THPT Lê Quý Đôn) và Công văn số 6559/UBND-TCĐT ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của 02 trường THPT trên địa bàn tỉnh (trong đó có Trường THPT Lê Quý Đôn).



- Từ năm học 2019-2020, Đơn vị thu dịch vụ cho thuê mặt bằng mở dịch vụ căn tin trong trường học theo hợp đồng đã ký kết và đề án được phê duyệt trong thời hạn 05 năm. Từ năm 2019 đến năm 2023, Đơn vị tự tổ chức đấu giá công khai, thông báo rộng rãi và dựa vào kết quả cuối cùng của buổi đấu giá để lựa chọn các cá nhân có kinh nghiệm, thực hiện ký kết hợp đồng với giá trúng thầu trong thời hạn 05 năm (30.000.000 đồng/năm học), thu theo tháng (09 tháng/năm học); Đơn vị có xét đến các trường hợp miễn giảm với lý do dịch bệnh không hoạt động... (có đơn xin miễn, giảm, hủy của người hợp đồng căn tin, biên bản họp xét thông qua hội đồng nhà trường).

- Từ năm học 2023-2024, Đơn vị hợp đồng với giá trúng thầu trong thời hạn 05 năm (2023-2028), hình thức nhà trường thuê Trung tâm đấu giá tổ chức đấu giá rộng rãi, công khai, dựa vào kết quả cuối cùng của các vòng đấu giá để lựa chọn các cá nhân có kinh nghiệm và giá cả phù hợp với tình hình kinh tế tại địa phương; việc thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định (hợp đồng căn tin với giá trúng thầu 1.125.600.000 đồng/5 năm và thu theo tháng trong năm học với số tiền 28.125.000 đồng/tháng (08 tháng/năm học) từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2028; căn tin tự trang bị đồng hồ điện, nước riêng và tự chi trả cho đơn vị cung cấp.

- Đơn vị thực hiện ghi chép, cập nhật số liệu thu, chi, thanh toán, quyết toán các nguồn thu dịch vụ cho thuê MBCT vào bộ sổ sách kế toán đầy đủ, đúng quy định. Tại thời điểm thanh tra, Đơn vị đang làm thủ tục thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thuế đất dịch vụ cho thuê mặt bằng căn tin cho đề án 5 năm (2023-2028).

- Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 03b*).

c) Thu, chi nguồn kinh phí dịch vụ tài chính (*Lãi tiền gửi NH-KB*):

- Nguồn thu lãi từ tiền gửi NH-KB trên cơ sở giấy báo của NH-KB, doanh thu Lãi tiền gửi NH-KB dùng để chi trả tiền chi phí thanh toán qua kho bạc và các chi phí có liên quan đến dịch vụ tài chính khác.

- Đơn vị thực hiện ghi chép, cập nhật số liệu thu, chi, thanh toán, quyết toán các nguồn thu vào bộ sổ sách kế toán đầy đủ, đúng quy định. Tất cả các nguồn thu dịch vụ trên đơn vị chưa hạch toán trích lập tối thiểu 40% từ nguồn thu dịch vụ để bổ sung nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định của Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của chính phủ.

- Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 04*).

1.2.3. Thu, chi các nguồn thu khác (xã hội hóa (XHH); tài trợ; thu tiền vệ sinh; cho thuê mướn CSVC (hội trường, lớp học..), thu phí vệ sinh, thu kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBĐ), thu hoa hồng BHYT...:

Trong kỳ thanh tra, Hiệu trưởng không có chỉ đạo thực hiện các khoản thu như: XHH, vận động, tài trợ cho thuê CSVC, phí vệ sinh. Đơn vị thực hiện thu các khoản (tiền trích thù lao tuyển sinh ĐH-CD, kinh phí CSSKBĐ, kinh phí hoa hồng BHYT):

- Thu tiền trích thù lao tuyển sinh ĐH-CD từ Sở GD&ĐT (thực hiện theo quy định hiện hành và được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ); thu tiền bán phế liệu

thanh lý tài sản (dùng để mua sắm bổ sung tài sản mới phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập); thu tiền khen thưởng danh hiệu thi đua tập thể; thu tiền lệ phí đấu thầu căn tin. Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 05a*).

- Nguồn kinh phí CSSKBD: Đơn vị thực hiện thu, chi, thanh toán, quyết toán theo Điều 34, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT; nguồn thu kinh phí CSSKBD của HS, GV được BHXH cấp và các khoản thoái thu BHYT HS. Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 05b*).

- Nguồn kinh phí hoa hồng BHYT: Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện thu, chi, thanh toán trên số tiền thu BHYT của HS hàng năm được cơ quan BHXH chi thanh toán thù lao cho các bộ phận, cá nhân được giao nhiệm tổ chức thu phí BHYT HS. Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 05c*).

### 1.2.3. Thu, chi nguồn kinh phí thu hộ, chi hộ

Trong kỳ thanh tra, Hiệu trưởng tổ chức thu kinh phí BHXH (chế độ ốm đau, thai sản) chi trả thay lương; kinh phí thu phí BHYT của HS; kinh phí khen thưởng CBQL, GV, NV và HS; kinh phí Hội đồng thi tuyển sinh vào lớp 10 và thi tốt nghiệp THPT; kinh phí thu hộ, chi hộ khác (ký quỹ đấu thầu, ký quỹ thực hiện hợp đồng căn tin, thuế thu nhập cá nhân của CBQL, GV, NV...), thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng quy định. Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra (*đính kèm phụ lục 06*).

Thu BHYT đạt tỷ lệ 100% qua các năm. Tuy nhiên, Hiệu trưởng chưa xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động và thực hiện chủ trương thu BHYT HS bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo chỉ đạo của UBND tỉnh như chủ trương thu học phí không dùng tiền mặt như các năm học vừa qua.

### 1.2.4. Thu, chi các nguồn tài chính khác (đồng phục HS)

Hiệu trưởng không tổ chức thu tiền mua đồng phục cho HS trong nhà trường. Quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu... thực hiện theo Thông tư số 26/2009/TT-BGDĐT ngày 30/9/2009 của Bộ GD&ĐT quy định về việc mặc đồng phục và lễ phục tốt nghiệp của HS, sinh viên. Việc mua sắm đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu do HS tự trang bị may hoặc mua theo qui cách, quy định của nhà trường, nhà trường không tham gia vào công việc mua sắm đồng phục của HS.

### 1.2.5. Vận động và sử dụng quỹ đóng góp từ CMHS

- Đầu năm học, Hiệu trưởng phối hợp với CMHS tổ chức Hội nghị CMHS và bầu ra Ban đại diện CMHS các lớp, trường. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện thu dựa trên cơ sở vận động tự nguyện đóng góp của CMHS. Hình thức thu: đóng theo năm, Ban đại diện CMHS các lớp thu, sau đó giữ lại 40%, bàn giao 60% số tiền thu được cho Thủ quỹ của Ban đại diện CMHS trường quản lý.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS trong kỳ thanh tra (năm học 2022-2023: 39.500.000 đồng; năm học 2023-2024: dự kiến vận động thu 40.000.000 đồng). Tại thời điểm thanh tra, Ban đại diện CMHS chưa tổng kết số tiền đã vận động được từ đầu năm học.

- Nội dung chi: Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS chi hỗ trợ các hoạt động và khen thưởng HS trong 02 năm học 2022- 2023 và 2023- 2024. Tuy nhiên,



trong các văn bản liên quan đến vận động Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS dùng cụm từ “quỹ khuyến học”; còn quy định mức đóng góp bình quân/HS (100.000 đồng), quy định mức kinh phí nộp cho Ban đại diện CMHS trường 60%, lớp giữ lại 40% là chưa đúng theo khoản 1 Điều 10 Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS.

#### *1.2.6. Thực hiện công khai tài chính và các khoản thu khác trong nhà trường*

Trong kỳ thanh tra, Hiệu trưởng có xây dựng và thực hiện công khai đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT<sup>2</sup>. Nội dung công khai tài chính theo các biểu mẫu qui định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Hàng tháng, Đơn vị thực hiện công khai thu, chi các nguồn kinh phí sử dụng tại đơn vị trước hội đồng sư phạm nhà trường, dán lên bảng thông báo, đăng trên trang thông tin điện tử các khoản thu, chi theo qui định (website: thptlequidon.edu.vn).

### **2. Thực hiện quy định trong công tác quản lý và sử dụng tài sản**

#### **2.1. Việc ban hành các văn bản, quy chế quản lý, sử dụng tài sản**

- Hiệu trưởng triển khai các văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của Trung ương và địa phương trong họp Hội đồng sư phạm nhà trường hàng tháng và dán thông báo, cụ thể như: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018 của HĐND tỉnh Bến Tre ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan; ban hành Quyết định số 02/QĐ-THPTLQĐ ngày 05/01/2023 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trường THPT Lê Quý Đôn.

- Thực hiện báo cáo công khai thông tin về CSVC của nhà trường, có thông báo và biên bản công khai.

#### **2.2. Việc sử dụng tài sản công**

- Sự phù hợp của hiện trạng sử dụng tài sản với mục đích được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm của đơn vị hợp lệ như: tên đơn vị sử dụng đất, diện tích đất và địa chỉ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số 00032/QĐ-UBND ngày 07/09/2004 của UBND tỉnh Bến Tre) của Trường THPT Lê Quý Đôn đúng với hiện trạng sử dụng.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 05/KH-THPT ngày 05/09/2022 về việc thực hiện công tác công khai năm học 2022-2023; Kế hoạch số 07/KH-THPT ngày 06/09/2023 về việc thực hiện công tác công khai năm học 2023-2024.



- Việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, gồm:

+ Đơn vị đã lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết và được phê duyệt tại Công văn số 6559/UBND-TCĐT ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê trong thời hạn 05 năm của 02 Trường THPT trên địa bàn tỉnh.

+ Đơn vị thực hiện thuê Trung tâm đấu giá để tổ chức đấu giá đúng quy định trong năm 2023 và có thành lập Hội đồng định giá khởi điểm của tài sản cho thuê.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; nộp thuế GTGT, thuế TNDN; đơn vị đang tiến hành làm thủ tục để đóng tiền thuê đất theo quy định.

+ Thực hiện đúng quy định của pháp luật về kê khai, báo cáo để đăng nhập thông tin về tài sản công vào Phần mềm Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Thực hiện đầy đủ báo cáo quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm theo quy định từ Điều 125 đến Điều 131- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Thực hiện nhập dữ liệu tài sản vào phần mềm Quản lý tài sản công từ khi được phân quyền nhập liệu tại Công văn số 4515/STC-GCS ngày 14/12/2022 của Sở Tài chính về việc phân cấp nhập liệu vào phần mềm Quản lý tài sản công đúng quy định.

+ Thực hiện đúng quy định hạch toán, kế toán tài sản công; mở các sổ theo dõi tài sản và ghi chép thẻ tài sản hàng năm; có hạch toán nguyên giá khi phát sinh hình thành tài sản; theo dõi hao mòn; ghi giảm tài sản.

+ Thực hiện đúng quy định về hồ sơ mua sắm, báo cáo về tài sản, phê duyệt quyết toán tài chính năm 2022, 2023, bảng cân đối số phát sinh năm 2022 và các quý trong năm 2023.

+ Thực hiện đúng quy định việc kiểm kê tài sản cố định hàng năm (theo Quyết định số 25/QĐ-THPT ngày 26/12/2022 về việc thành lập Ban kiểm kê tài sản năm 2022).

### ***2.3. Kinh phí chi cho sửa chữa, nâng cấp, mua sắm tài sản, thiết bị hàng năm***

Năm 2022, Đơn vị mua sắm 02 ti vi phục vụ công tác giảng dạy với số tiền 41.749.000 đồng từ nguồn kinh phí cho thuê MBCT và kinh phí thanh lý tài sản.

Năm 2023, Đơn vị thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy che sân tập thể dục với kinh phí 469.712.949 đồng từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) của Sở GD&ĐT cấp cho trường (KPKTC) và đang thực hiện trong tháng 12/2023.

## **3. Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC**

### ***3.1. Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh tại đơn vị***

Nhà trường triển khai, quán triệt đầy đủ các văn bản pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh cho đội ngũ CBQL, viên chức tại đơn vị trong các cuộc họp hội đồng GV, qua nhóm Zalo<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với

Hiệu trưởng ban hành Quy chế tiếp công dân<sup>4</sup>, bố trí phòng tiếp công dân (văn phòng và phòng Hiệu trưởng); niêm yết nội quy tiếp công dân.

Tuy nhiên, trong kỳ thanh tra, nhà trường chưa xây dựng cụ thể lịch tiếp công dân định kỳ của Hiệu trưởng và lịch tiếp công dân thường xuyên; chưa mở Sổ theo dõi xử lý đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh và Sổ tiếp công dân theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định về quy trình tiếp công dân (do không có trường hợp KNTC, kiến nghị, phản ánh trực tiếp với Hiệu trưởng).

### **3.2. Giải quyết KNTC, phản ánh, kiến nghị trong kỳ thanh tra**

Trong kỳ thanh tra, nhà trường không nhận được đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh về các hoạt động của trường.

### **4. Thực hiện quy định của pháp luật về PCTN, tiêu cực**

Hiệu trưởng thực hiện tuyên truyền, quán triệt đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan đến công tác PCTN, tiêu cực cho CBQL, GV, NV và HS; xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN, tiêu cực hàng năm theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT<sup>5</sup>. Tổ chức dạy học tích hợp, lồng ghép giáo dục pháp luật về PCTN ở môn Giáo dục công dân lớp 12 và Giáo dục kinh tế- pháp luật lớp 10, 11 theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6//2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014 đúng chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

Hiệu trưởng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập<sup>6</sup>; tổ chức, kiểm điểm đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị viên chức đầu năm học. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn giáo dục của trường<sup>7</sup>; Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường<sup>8</sup>; Quyết định ban hành Quy chế xét thi đua đối với viên chức và người lao động<sup>9</sup>; Quyết định ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn<sup>10</sup>. Tuy nhiên, năm 2023 nhà trường chưa cập nhật Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở vào Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

Nhà trường thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức (nâng lương thường xuyên, nâng TNVK, TNNG, nâng lương trước hạn đúng quy định hàng năm (xây dựng

công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; Luật Tố cáo số 25/2018/2014/QH14 ngày 12/6/2018; Thông tư 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn thư KNTC, đơn kiến nghị, phản ánh,

<sup>4</sup> Quyết định số 07/QĐ-THPT ngày 30/10/2022 của Trường THPT Lê Quý Đôn về việc ban hành Quy chế tiếp công dân, tiếp nhận xử lý, giải quyết đơn KNTC;

<sup>5</sup> Kế hoạch số 02/KH-THPT ngày 23/01/2023.

<sup>6</sup> Quyết định số 01/QĐ-THPT ngày 05/9/2021.

<sup>7</sup> Quyết định số 11/QĐ-THPT ngày 01/11/2022.

<sup>8</sup> Quyết định số 05/QĐ-THPT ngày 15/11/2021.

<sup>9</sup> Quyết định số 16/QĐ-THPT ngày 17/10/2023.

<sup>10</sup> Quyết định số 15/QĐ-THPT ngày 16/10/2023.

Quy chế nâng lương trước thời hạn, thành lập Hội đồng xét duyệt theo Quy chế nâng lương của nhà trường và trình Sở GD&ĐT phê duyệt). Thực hiện quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, bình xét các danh hiệu thi đua đối với viên chức; công khai kết quả đánh giá theo hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT (được các tổ chuyên môn/văn phòng đề xuất, Hội đồng tư vấn giáo dục xét duyệt, thống nhất; công khai trong họp Hội đồng nhà trường và dán thông báo).

Thực hiện quy định về kê khai tài sản thu nhập: các cá nhân chỉ kê khai lần đầu từ năm 2020 và không có kê khai bổ sung. Riêng diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý kê khai hàng năm theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy. Các chức danh bổ nhiệm lại và bổ sung khuyết chức danh quản lý cũng kê khai theo yêu cầu công tác tổ chức.

Thực hiện nghiêm túc quy định quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ; tổ chức kiểm tra, đánh giá HS; xét chuyển trường, chuyển lớp. Hiện tại, tồn 175 bằng tốt nghiệp THPT do ảnh hưởng dịch Covid-19 (năm học 2019-2020: 38; năm học 2020- 2021: 71; năm học 2021-2022: 61).

Thực hiện kiểm tra nội bộ, công khai kết quả kiểm tra vào cuối mỗi học kỳ và công bố trong họp Sơ kết, Tổng kết năm học.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện công khai hàng năm của đơn vị<sup>11</sup>; thực hiện “3 công khai” theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; công khai cho CBQL, GV, NV biết các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của ngành, các văn bản chỉ đạo của các cấp; công khai quy chế chi tiêu nội bộ; công khai cam kết chất lượng giáo dục, thông tin chất lượng giáo dục thực tế; công khai thông tin CSVC; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, CBQL và NV; công khai thu, chi tài chính. Hình thức công khai thông qua cuộc họp hội đồng sư phạm, niêm yết trên bảng thông báo, đăng website của nhà trường; báo cáo kết quả công khai hàng năm theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT; hồ sơ công khai từng năm lưu trữ đầy đủ.

Hiệu trưởng thiết lập hộp thư điện tử [thptlequidon@bentre.edu.vn](mailto:thptlequidon@bentre.edu.vn) và đường dây nóng của trường (Điện thoại: 02753855781) theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh dấu hiệu vi phạm pháp luật về giáo dục một cách kịp thời, hiệu quả.

## **II. Kết luận**

### **1. Ưu điểm**

- Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ kế toán đúng quy định theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; thực hiện mức thu học phí và xét miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập cho HS, thực hiện thu đủ, thu đúng đối tượng theo quy định. Cập nhật

<sup>11</sup> Kế hoạch số 05/KH-THPT ngày 05/9/2022; Kế hoạch số 07/KH-THPT ngày 06/9/2023.

kịp thời các nghiệp vụ phát sinh; lập các mẫu báo cáo tài chính, sổ sách kế toán đầy đủ; thực hiện hạch toán kế toán đúng quy định.

- Hiệu trưởng thực hiện tốt kiểm tra nội bộ định kỳ hàng tháng, quý, kiểm tra đối chiếu và công khai các nguồn kinh phí mỗi tháng, mỗi quý 01 lần với hình thức dán thông báo nội dung chi tiết cụ thể dưới sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân.

- Tại thời điểm thanh tra, Hiệu trưởng không tổ chức thu các khoản thu ngoài qui định; chưa phát hiện có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực trong sử dụng kinh phí, quản lý và sử dụng tài sản tại đơn vị.

## **2. Hạn chế**

### **2.1. Thực hiện quy định về quản lý tài chính, tài sản**

- Việc lập dự toán và chấp hành dự toán các nguồn kinh phí: Khi xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và lập dự toán hàng năm sau khi được giao dự toán, nội dung công việc chi chưa thể hiện cụ thể, chi tiết, cân đối hợp lý giữa các nguồn kinh phí NSNN cấp và nguồn thu sự nghiệp được để lại sử dụng của đơn vị.

- Chứng từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (mua sắm, sửa chữa...) còn thiếu chữ ký người mua hàng trên hóa đơn, thiếu chứng từ mẫu số 09 ở mục thanh toán công tác phí trong quý 2/2022: 23.721.000 đồng (mẫu chứng từ thanh toán cho các đối tượng thụ hưởng chưa đúng quy định). Bảng kê DTHT là chứng từ gốc của việc chi trả tiền cho GV trực tiếp giảng dạy nhưng chưa thể hiện được số tiết giảng dạy theo kế hoạch và số tiết giảng dạy thực tế, đơn giá bình quân của tiết dạy, tổng số tiền thực nhận trong tháng, trong kỳ và số tiền ghi bằng chữ.

- Hồ sơ báo cáo tài chính chứng từ chưa phân loại lưu trữ theo từng nguồn thu của từng quý và chưa sắp xếp theo thứ tự mục lục ngân sách.

- Đơn vị chưa hạch toán trích lập 40% nguồn kinh phí cải cách tiền lương (CCTL) từ các nguồn thu theo quy định.

- Chưa xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương thu BHYT HS và các nguồn thu dịch vụ, thu khác trong năm 2023 bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

### **2.2. Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo**

Hiệu trưởng chưa xây dựng cụ thể lịch tiếp công dân định kỳ của Hiệu trưởng và lịch tiếp công dân thường xuyên; chưa mở Sổ theo dõi xử lý đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh và Sổ tiếp công dân.

### **2.3. Thực hiện quy định của pháp luật về PCTN, tiêu cực**

Chưa cập nhật Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ vào Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường

### **2.4. Nguyên nhân của các hạn chế**

- Do kinh phí được NSNN cấp và kinh phí thu sự nghiệp của đơn vị các năm qua còn thiếu hụt. Mặt khác, việc giao dự toán kể từ năm 2023 trở đi có phần khác so với các năm trước đó (thực hiện trích lập quỹ CCTL)... nên việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và lập dự toán, thực hiện các nội dung chi cho hoạt động của đơn vị giữa các

nguồn kinh phí chưa được chính xác, hợp lý, mang tính đối phó... cũng như việc thực hiện trích lập 40% nguồn kinh phí CCTL từ các nguồn thu theo quy định.

- Đơn vị đóng trên địa bàn xã nông thôn nên việc thực hiện thu BHYT cũng như các nguồn thu dịch vụ khác... bằng phương thức không dùng tiền mặt còn gặp nhiều khó khăn.

- Kế toán đơn vị mới được điều động về công tác tại trường từ tháng 09/2022 nên việc tiếp cận với tình hình hoạt động của trường còn khó khăn.

- Do không có trường hợp KNTC, kiến nghị, phản ánh trực tiếp với Hiệu trưởng nên Hiệu trưởng chưa thật sự quan tâm đến việc thực hiện các quy định về tiếp công dân, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh tại đơn vị.

**IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng:** Không có

**V. Kiến nghị biện pháp xử lý**

Hiệu trưởng tổ chức rút kinh nghiệm tất cả những ưu điểm, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra; xây dựng kế hoạch khắc phục các hạn chế được ghi tại **mục 2- phần III** của Kết luận này gửi về Sở GD&ĐT (Thanh tra Sở) chậm nhất 15 ngày và gửi báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra sau 45 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra. Đồng thời thực hiện các kiến nghị sau:

**\* Thực hiện quy định về quản lý tài chính và tài sản:**

- Hồ sơ báo cáo đính kèm chứng từ kế toán đóng bìa theo từng nguồn thu của quý, sắp xếp chứng từ theo mục lục ngân sách để thuận tiện trong việc lập báo cáo, kiểm tra, kiểm soát và lưu trữ.

- Thực hiện kịp thời việc hạch toán và thực hiện trích lập 40% nguồn quỹ CCTL theo quy định.

**\* Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC:**

- Mở Sổ theo dõi xử lý đơn thư KNTC, kiến nghị, phản ánh và Sổ tiếp công dân; công khai nội quy tiếp công dân, thông báo lịch tiếp công dân tại bảng công khai thủ tục hành chính của đơn vị.

- Niêm yết tại nơi tiếp công dân của trường các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tiếp công dân, KNTC, kiến nghị, phản ánh.

**\* Thực hiện quy định của pháp luật về PCTN, tiêu cực:**

Cập nhật Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ vào Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Bộ GD&ĐT
- Thanh tra tỉnh
- Giám đốc
- Phó GD Bùi Minh Nhật (để theo dõi);
- Phòng KHTC (để biết);
- Trường THPT Lê Quý Đôn (để thực hiện);
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: TTr, HSTr.

**CHÁNH THANH TRA**



**Phạm Văn Hùng**

**PHỤ LỤC****Kết quả thu, chi, tồn trong kỳ thanh tra của Trường THPT Lê Quý Đôn****Từ ngày 07/12/2023 đến ngày 14/12/2023***(Kèm Kết luận thanh tra số 01 /KL-TTr ngày 02 tháng 01 năm 2024)***1. Phụ lục 01: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước (KP NSNN): (đơn vị tính: đồng)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	KP NSNN tồn đầu kỳ	356.749.326	70.682.242
	- KP thực hiện tự chủ	356.749.326	70.682.242
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9523.2.1081099 )	356.749.326	70.682.242
	- KP không thực hiện tự chủ	0	0
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9527.2.1081099 )	0	0
2	KP NSNN được cấp bổ sung trong kỳ	6.006.777.000	7.316.275.949
	- KP thực hiện tự chủ	5.690.517.000	6.389.048.000
	- KP không thực hiện tự chủ	316.260.000	927.227.949
3	KP NSNN thực nhận Kho bạc trong kỳ	6.256.324.084	6.127.822.272
	- KP thực hiện tự chủ	5.953.474.084	5.816.075.731
	- KP không thực hiện tự chủ	302.850.000	311.746.541
4	KP NSNN đã chi trong kỳ	6.256.324.084	6.127.822.272
	- KP thực hiện tự chủ	5.953.474.084	5.816.075.731
	- KP không thực hiện tự chủ	302.850.000	311.746.541
5	KP nộp giảm HMKP, Hủy trong kỳ	36.520.000	0
	- KP thực hiện tự chủ	23.110.000	0
	- KP không thực hiện tự chủ	13.410.000	0
6	KP NSNN còn tồn cuối kỳ	70.682.242	1.259.135.919
	- KP thực hiện tự chủ	70.682.242	643.654.511
	+ Tiền mặt	0	1
	+ Kho bạc (9523.2.1081099 )	70.682.242	643.654.511
	- KP không thực hiện tự chủ	0	615.481.408
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9527.2.1081099 )	0	615.481.408



## 1a. Phụ lục 01a: Bảng chi tiết thực hiện cấp bù học phí năm học: 2022-2023 và năm học: 2023-2024

## TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÓN

## TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU VÀ CẤP BÙ HỌC PHÍ NĂM 2022, 2023

Số TT	Đơn vị	Tổng số học sinh Năm học	Mức thu Học phí	Số học sinh miễn, giảm			Thực hiện thu Học phí+CBHP			Chi phí trực tiếp	Nguồn thu thực hiện thu trong năm 2023	Trích lập 40% nguồn quỹ CCTL	Ghi chú
				Tổng cộng	Miễn	Giảm	Tổng cộng	Thực thu	Cấp bù học phí				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	C
	<b>NĂM 2022</b>	<b>89</b>		<b>42</b>	<b>47</b>	<b>373.066.800</b>	<b>355.456.800</b>	<b>17.610.000</b>	<b>0</b>	<b>373.066.800</b>	<b>0</b>		
1	HK2(2021-2022)	44	60.000	19	25	218.650.000	209.200.000	9.450.000			87.460.000		Nhóm 4
2	HK1(2022-2023)	670	60.000	45	22	154.416.800	146.256.800	8.160.000			61.766.720		Nhóm 4
	<b>NĂM 2023</b>	<b>71</b>		<b>42</b>	<b>29</b>	<b>422.260.100</b>	<b>407.110.100</b>	<b>15.150.000</b>	<b>0</b>	<b>422.260.100</b>	<b>0</b>		
1	HK2(2022-2023)	670	60.000	33	13	219.185.800	211.235.800	7.950.000			87.674.320		Nhóm 4
2	HK1(2023-2024)	671	60.000	38	16	203.074.300	195.874.300	7.200.000			81.229.720		Nhóm 4

**1b. Phụ lục 01b: Bảng chi tiết thực hiện hỗ trợ chi phí học tập năm học: 2022-2023 và năm học: 2023-2024**

**TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN**

**TỔNG HỢP THỰC HIỆN CHI HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM 2022, 2023**

Đơn vị tính: đồng

STT		Tổng số học sinh năm học	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập				Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ/tháng	Tổng kinh phí	Ghi chú	
			Mồ côi	Khuyết tật	Hộ nghèo	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Theo QĐ 353/QĐ-TTg)					Cộng số lượng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	C
	<b>NĂM 2022</b>		<b>1</b>	<b>0</b>	<b>32</b>	<b>415</b>	<b>448</b>	<b>9</b>		<b>302.850.000</b>	
1	HK2(2021-2022)	727	1		15	213	229	5	150.000	171.750.000	
2	HK1(2022-2023)	672			17	202	219	4	150.000	131.100.000	01HS hưởng 02 tháng
	<b>NĂM 2023</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>23</b>	<b>394</b>	<b>417</b>	<b>9</b>		<b>281.850.000</b>	
1	HK2(2022-2023)	661			13	198	211	5	150.000	158.250.000	
2	HK1(2023-2024)	671			10	196	206	4	150.000	123.600.000	Chưa duyệt chi





**2. Phụ lục 02: Nguồn kinh phí học phí học sinh**

(đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	Kinh phí (KP) học phí học sinh tồn đầu kỳ	5.914.438	107.844.926
2	KP học phí học sinh đã thu trong kỳ	364.894.000	405.476.000
3	KP học phí học sinh được sử dụng kỳ	370.808.438	513.320.926
4	KP học phí học sinh đã chi trong kỳ	262.963.512	303.766.566
5	KP học phí học sinh tồn cuối kỳ	107.844.926	209.554.360

**3. Phụ lục 03: Nguồn kinh phí kinh doanh dịch vụ:**

(đơn vị tính: đồng)

**03a- Nguồn kinh phí dịch vụ dạy thêm- học thêm; tăng tiết (DTHT-TT)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	Kinh phí (KP) dịch vụ DT-HT tồn đầu kỳ	367.474	3.237.797
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	367.474	3.237.797
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	0
2	KP dịch vụ DT-HT thu trong kỳ	529.067.400	617.493.000
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	507.242.400	504.594.000
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	21.825.000	112.899.000
3	KP dịch vụ DT-HT được sử dụng trong kỳ	529.434.874	620.730.797
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	507.609.874	507.831.797
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	21.825.000	112.899.000
4	KP dịch vụ DT-HT chi đến cuối kỳ	526.197.077	558.919.947
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	504.372.077	446.020.947
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	21.825.000	112.899.000
5	KP dịch vụ DT-HT tồn cuối cuối kỳ	3.237.797	61.810.850
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	3.237.797	61.810.850
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	0

**03b- Nguồn kinh phí dịch vụ cho thuê mặt bằng căn tin (CTMBCT)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	KPDV cho thuê MBCT tồn đầu kỳ	534.150	6.042.750
2	KPDV cho thuê MBCT thu đến cuối kỳ	57.000.000	105.000.000
3	KPDV cho thuê MBCT được sử dụng trong kỳ	57.534.150	111.042.750
4	KPDV cho thuê MBCT đã chi đến cuối kỳ	51.491.400	92.581.793
5	KPDV cho thuê MBCT tồn đến cuối kỳ	6.042.750	18.460.957

**4. Phụ lục 04: Nguồn kinh phí lãi tiền gửi NH-KB (LTG NH-KB) (đơn vị tính: đồng)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	KP lãi tiền gửi NH-KB tồn đầu kỳ	0	1.431.458
	+ Kho bạc (3713.0.1110613.00000)	0	988.123
	+ Kho bạc (3714.0.1110613.00000)	0	6.267
	+ Tiền lãi học phí (3716)+ TK:7104201003682	0	437.068
2	KP lãi tiền gửi NH-KB thu đến cuối kỳ	1.431.458	1.154.559
	+ Kho bạc (3713.0.1110613.00000)	988.123	542.153
	+ Kho bạc (3714.0.1110613.00000)	6.267	251.106
	+ Tiền lãi học phí (3716)+ TK:7104201003682	437.068	361.300
3	KP lãi tiền gửi NH-KB được sử dụng trong kỳ	1.431.458	2.586.017
	+ Kho bạc (3713.0.1110613.00000)	988.123	1.530.276
	+ Kho bạc (3714.0.1110613.00000)	6.267	257.373
	+ Tiền lãi học phí (3716)+ TK:7104201003682	437.068	798.368
4	KP lãi tiền gửi NH-KB đã chi đến cuối kỳ	0	0
	+ Kho bạc (3713.0.1110613.00000)	0	0
	+ Kho bạc (3714.0.1110613.00000)	0	0
	+ Tiền lãi học phí (3716)+ TK:7104201003682	0	0
5	KP lãi tiền gửi NH-KB tồn cuối kỳ	1.431.458	2.586.017
	+ Kho bạc (3713.0.1110613.00000)	988.123	1.530.276
	+ Kho bạc (3714.0.1110613.00000)	6.267	257.373
	+ Tiền lãi học phí (3716)+ TK:7104201003682	437.068	798.368

**5. Phụ lục 05: Nguồn kinh phí thu khác**

(đơn vị tính: đồng)

**05a- Nguồn kinh phí thu khác- tài trợ- xã hội khóa- thanh lý TS (KH-TT-XHH...)**(Thu khác: Bồi dưỡng thu hồ sơ ĐH-CD; Tài trợ- Xã hội hóa; Thanh lý CCDC  
phế liệu + bán hồ sơ mời đấu giá căn tin)

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	Kinh phí (KP) thu Khác-TT-XHH tồn đầu kỳ	0	32.519.000
	+ Kinh phí bồi dưỡng làm hồ sơ TS	0	0
	+ Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	0	14.529.000
	+ Kinh phí khen thưởng thi đua tập thể	0	11.920.000
2	KP thu Khác-TT-XHH-TLTS thu đến cuối kỳ	44.439.000	7.722.000
	+ Kinh phí khen thưởng thi đua tập thể	11.920.000	2.980.000
	+ Kinh phí bồi dưỡng làm hồ sơ	0	1.242.000
	+ TS Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	32.519.000	0

	+Thu tiền bán hồ sơ mời thầu căn tin	0	3.500.000
3	KP thu Khác-TT-XHH-TLTS được SD trong kỳ	44.439.000	34.171.000
	+ Kinh phí khen thưởng thi đua tập thể	11.920.000	14.900.000
	+ Kinh phí bồi dưỡng làm hồ sơ	0	1.242.000
	+ TS Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	32.519.000	14.529.000
	+Thu tiền bán hồ sơ mời thầu căn tin	0	3.500.000
4	KP thu Khác-TT-XHH-TLTS chi đến cuối kỳ	0	13.162.000
	+ Kinh phí khen thưởng thi đua tập thể	0	11.920.000
	+ Kinh phí bồi dưỡng làm hồ sơ	0	1.242.000
	+ TS Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	17.990.000	0
	+Thu tiền bán hồ sơ mời thầu căn tin	0	0
5	KP thu Khác-TT-XHH-TLTS tồn cuối kỳ	32.519.000	21.009.000
	+ Kinh phí khen thưởng thi đua tập thể	11.920.000	2.980.000
	+ Kinh phí bồi dưỡng làm hồ sơ	0	0
	+ TS Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	14.529.000	14.529.000
	+Thu tiền bán hồ sơ mời thầu căn tin		3.500.000

**05b- Nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBĐ)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	Kinh phí (KP) CSSK ban đầu tồn đầu kỳ	89.872.501	77.408.754
2	KP CSSK ban đầu thu đến cuối kỳ	6.663.003	436.147
3	KP CSSK ban đầu được sử dụng trong kỳ	96.535.504	77.844.901
4	KP CSSK ban đầu đã chi đến cuối kỳ	19.126.750	19.206.900
5	KP CSSK ban đầu tồn cuối kỳ	77.408.754	58.638.001

**05c- Nguồn kinh phí hoa hồng bảo hiểm y tế (HH BHYT)**

TT	Chỉ tiêu	Cả năm Năm 2022	T01-T11 Năm 2023
1	Kinh phí (KP) thu HH BHYT tồn đầu kỳ	0	0
2	KP thu Hoa hồng BHYT thu đến cuối kỳ	10.372.823	7.837.869
3	KP thu Hoa hồng BHYT được SD trong kỳ	10.372.823	7.837.869
4	KP thu Hoa hồng BHYT đã chi đến cuối	10.372.823	7.837.869
5	KP thu Hoa hồng BHYT tồn cuối kỳ	0	0

**6. Phụ lục 06: Nguồn kinh phí thu hộ- chi hộ**

(đơn vị tính: đồng)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cả năm Năm 2022</b>	<b>T01-T11 Năm 2023</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thu hộ-chi hộ tồn đầu kỳ</b>		
	- Kinh phí (KP) BHXH trả thay lương (Ồm đau, thai sản ...)	0	0
	- Kinh phí (KP) BHYT học sinh ( Thu hộ học sinh đóng phí BHYT )	0	0
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ Sở GD&ĐT Bến Tre ( Khen thưởng, KP Hội đồng thi, KP Khác)	0	0
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ khác ( Ký quỹ đấu thầu, ký quỹ thực hiện HĐ Căn tin)	0	0
<b>2</b>	<b>Kinh phí thu hộ- chi hộ thu trong kỳ</b>	<b>240.677.340</b>	<b>353.456.500</b>
	- Kinh phí (KP) BHXH trả thay lương (Ồm đau, thai sản ...)	0	79.111.500
	- Kinh phí (KP) BHYT học sinh ( Hoàn trả phí BHYT cho học sinh)	101.567.340	10.325.000
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ Sở GD&ĐT Bến Tre (Thưởng, KP Hội đồng thi, KP Khác)	139.110.000	104.020.000
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ khác ( Ký quỹ đấu thầu, ký quỹ thực hiện HĐ Căn tin)		160.000.000
<b>3</b>	<b>Kinh phí thu hộ- chi hộ đã chi trong kỳ</b>	<b>240.677.340</b>	<b>193.456.500</b>
	Kinh phí (KP) BHXH trả thay lương (Ồm đau, thai sản ...)		79.111.500
	- Kinh phí (KP) BHYT học sinh ( Hoàn trả phí BHYT cho học sinh)	101.567.340	10.325.000
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ Sở GD&ĐT Bến Tre (Chi Thưởng, Chi KP Hội đồng thi, Chi khác)	139.110.000	104.020.000
	- Kinh phí thu hộ-chi hộ khác ( Ký quỹ đấu thầu, ký quỹ thực hiện HĐ Căn tin)	0	0
<b>4</b>	<b>Kinh phí thu hộ- chi hộ tồn đến cuối kỳ</b>	<b>0</b>	<b>160.000.000</b>
	- Kinh phí (KP) BHXH trả thay lương (Ồm đau, thai sản ...)	0	0
	- Kinh phí (KP) BHYT học sinh ( Thu hộ học sinh đóng phí BHYT )	0	0
	- Kinh phí thu hộ- chi hộ Sở GD&ĐT Bến Tre (Thưởng, KP Hội đồng thi, KP Khác)	0	0
	- Kinh phí thu hộ- chi hộ khác ( Ký quỹ đấu thầu, ký quỹ thực hiện HĐ Căn tin)	0	160.000.000

**Bảng thống kê tổng hợp số liệu kinh phí**

(đơn vị tính: đồng)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cả năm Năm 2022</b>	<b>T01-T11 Năm 2023</b>
1	Tồn quỹ tiền mặt đến cuối kỳ	0	0
2	Kinh phí NSNN tồn tại KBNN đến cuối kỳ	70.682.242	1.259.135.919
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	70.682.242	643.654.511
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	615.481.408
3	Kinh phí tiền gửi kho bạc (3713)	107.588.574	78.186.474
	- Kinh phí dạy thêm học thêm	2.742.697	509.197
	- Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	77.408.754	58.638.001
	- Kinh phí khen thưởng tập thể cấp trên cấp	11.920.000	2.980.000
	- Kinh phí thanh lý CCDC (phế liệu)	14.529.000	14.529.000
	- Kinh phí lãi tiền gửi NH-KB	988.123	1.530.276
3	Kinh phí tiền gửi kho bạc (3714)	6.544.117	243.519.983
	- Kinh phí dạy thêm học thêm	495.100	61.301.653
	- Kinh phí căn tin	6.042.750	18.460.957
	- Kinh phí lãi tiền gửi NH-KB	6.267	257.373
	- Kinh phí kí quỹ đấu giá cho thuê mặt bằng căn tin	0	160.000.000
	- Kinh phí bán hồ sơ đấu giá CTMB căn tin	0	3.500.000
4	Kinh phí tiền gửi kho bạc (3716)	6.225.194	126.398.428
	- Nguồn kinh phí học phí học sinh	5.788.126	125.600.060
	- Kinh phí lãi tiền gửi TK 3716.2.1013005	437.068	798.368
5	- Kinh phí học phí ở ngân hàng-TK: 104201003618	102.056.800	83.954.300